

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác cát, sỏi khu vực Nà Diệc, xã Lạng San, khu vực Nà Khon, xã Lương Thành, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 10/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Xét nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng công trình khai thác cát, sỏi khu vực Nà Diệc, xã Lạng San, khu vực Nà Khon, xã Lương Thành, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 25919/CV-AB ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Công ty Cổ phần Bê tông và Vật liệu xây dựng An Bình;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 311/TTr-STNMT ngày 10/10/2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác cát, sỏi khu vực Nà Diệc, xã Lạng San, khu vực Nà Khon, xã Lương Thành, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn của Công ty Cổ phần Bê tông và Vật liệu xây dựng An Bình (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung cụ thể sau:

1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường.

\* Đối với khu vực khai trường khi kết thúc khai thác: Thực hiện kè rọ đá lưới B40 tại các khu vực bờ sông giáp với phần diện tích khu phụ trợ; gia cố bờ sông những khu vực bờ sông xung yếu, có nguy cơ sạt lở.

- Khu vực Nà Diệc

+ Gia cố từ điểm 10-12, kích thước cụ thể như sau: Dài 330m x rộng 1,5m x cao 3m, tổng khối lượng đá, cuội thực hiện là 1.485m<sup>3</sup>.

+ Kè rọ đá từ điểm 2'-6', kích thước cụ thể như sau: Dài 266m x rộng 1,5m x cao 3m, tổng khối lượng đá, cuội thực hiện là 1.197m<sup>3</sup>.

- Khu vực Nhà Khon:

+ Gia cố từ điểm 6-8, kích thước cụ thể như sau: Dài 120m x rộng 1,5m x cao 3m, tổng khối lượng đá, cuội thực hiện là 540m<sup>3</sup>.

+ Kè rọ đá từ điểm 1-3, kích thước cụ thể như sau: Dài 280m x rộng 1,5m x cao 3m, tổng khối lượng đá, cuội thực hiện là 1.260m<sup>3</sup>.

- San lấp ao lắng (02 khu), tổng khối lượng đá, cuội thực hiện là 200m<sup>3</sup>.

- San gạt đê bao chắn nước.

Đá, cuội sử dụng để làm kè rọ đá và gia cố, lấp ao lắng nước thải lấy từ đá, cuội thải trong quá trình khai thác, lượng đá, cuội thải dư thừa sẽ được đổ thải lại vị trí các khai trường đã kết thúc khai thác.

(Các vị trí gia cố, làm kè rọ đá và đổ thải tại các khai trường được thể hiện tại các Bản đồ: PA-NDNK-10; PA-ND-11A; PA-NK-11B)

\* Đối với khu vực phụ trợ:

- Tháo dỡ máy móc, thiết bị các hạng mục công trình phụ trợ sau khi kết thúc khai thác và vận chuyển toàn bộ máy móc, thiết bị ra khỏi khu vực dự án.

- Tháo dỡ tủ điện, trạm biến áp, đường dây tải điện trong và ngoài mỏ bắt đầu từ điểm đấu nối đến trạm biến áp của mỏ; tháo dỡ sàng rung và băng tải;

- San gạt mặt bằng công trình phụ trợ (02 khu) với tổng diện tích là 412m<sup>2</sup>, chiều cao san gạt trung bình là 0,3m, tổng khối lượng cần san gạt là 123,6m<sup>3</sup>;

- San lấp ao lắng, hệ thống rãnh thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn, tổng khối lượng cần san lấp là 6.573,6m<sup>3</sup>.

Lượng đất đá sử dụng để san gạt khu vực phụ trợ và san lấp ao lắng, hồ lắng, hệ thống rãnh thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn lấy từ khối lượng đã đắp nâng cao nền khu văn phòng từ giai đoạn xây dựng.

\* Đối với khu vực tuyến đường vào mỏ:

Giữ nguyên hiện trạng phục vụ nhu cầu đi lại cho nhân dân địa phương.

2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ.

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: **369.309.537 đồng** (Ba trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm linh chín nghìn, năm trăm ba mươi bảy đồng)

- Số lần ký quỹ: 05 lần.

+ Lần 1: **92.327.384 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi hai triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm tám mươi tư đồng).

+ Lần tiếp theo: **69.613.659 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi chín triệu, sáu trăm mười ba nghìn, sáu trăm năm mươi chín đồng).

(Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2019)

- Đơn vị nhận ký quỹ là: Quỹ phát triển đất, rừng và bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, những nội dung trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, ứng phó sự cố môi trường; đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về chất lượng các thành phần môi trường đất, nước, không khí; thu gom, phân loại và xử lý chất thải theo đúng quy định hiện hành trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho người dân trong quá trình khai thác và triển khai các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của dự án.

**Điều 3.** Chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 4.** Phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân.

**Điều 5.** Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những thay đổi về nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

**Điều 6.** Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát thực hiện các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và yêu cầu tại Điều 2 của Quyết định này.

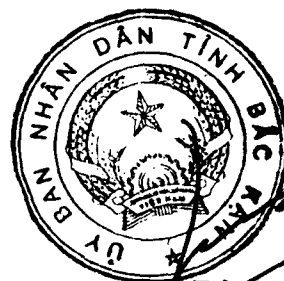
**Điều 7.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông, bà: Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Na Rì, Giám đốc Quỹ phát triển đất, rừng và bảo vệ môi trường, Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông và Vật liệu xây dựng An Bình và Thủ trưởng các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 7 (t/h);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PVP (ô. Tuấn);
- Lưu: VT-Huy

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đình Quang Tuyên**

